

CÔNG TY TNHH XUẤT KHẨU GODIVA

Website | www.denisoil.com
Gmail | denisoilvietnam@gmail.com
Hotline | (+84) 966.2345.18



DNS TURBO POWERX

DẦU NHỚT ĐỘNG CƠ DIESEL VÀ XĂNG TURBO TĂNG ÁP 4 KỲ



SAE GRADE SAE 10W40 API CLASSIFICATION CI-4/SL

DNS TURBO POWERX là dầu nhớt động cơ diesel cao cấp, đạt tiêu chuẩn API CI-4/SL, được thiết kế đặc biệt cho các động cơ diesel tăng áp 4 kỳ hiện đại và động cơ xăng hoạt động trong điều kiện khắc nghiệt. Sản phẩm giúp tăng cường khả năng bảo vệ động cơ, chống mài mòn, ngăn hình thành cặn bẩn, đồng thời đảm bảo hiệu suất bôi trơn ổn định và kéo dài chu kỳ thay dầu.

THÀNH PHẦN Dầu gốc khoáng và phụ gia cao cấp

TÍNH NĂNG NỔI BẬT

- DNS TURBO POWERX SAE 10W40 mang lại khả năng bảo vệ động cơ vượt trội chống mài mòn và ăn mòn, giúp kéo dài tuổi thọ thiết bị.
- Dầu có tính năng tẩy rửa và phân tán cặn tuyệt vời, giữ cho động cơ luôn sạch sẽ. Độ nhớt ổn định ở cấp 10W40 giúp duy trì hiệu suất bôi trơn tối ưu trong điều kiện nhiệt độ cao và tải trọng lớn.
- Ngoài ra, dầu còn có khả năng chống ô-xi hóa và chịu nhiệt tốt, đảm bảo hiệu quả vận hành lâu dài và ổn định.

ỨNG DỤNG

Phù hợp cho các loại xe tải, xe đầu kéo, xe khách, máy công trình và thiết bị công nghiệp sử dụng động cơ diesel tăng áp 4 kỳ và động cơ xăng cần hiệu suất cao.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giá trị
Khối lượng riêng ở 15°C	Kg/L	ASTM D4052	0.865
Độ nhớt động học ở 100°C	°C	ASTM D445	12.5 - <16.3
Trị số kiểm tổng	mgKOH/g	ASTM D2896	Min 9
Chỉ số độ nhớt	-	ASTM D2270	Min 130
Nhiệt độ chớp cháy cốc hở	°C	ASTM D92	Min 220

BẢO QUẢN Ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Đậy kín nắp sau khi sử dụng.

AN TOÀN Tham khảo MSDS

BAO BÌ Can 4L, Xô thiếc 18L / Xô nhựa 18L / Phuy sắt 200L

CÔNG TY TNHH XUẤT KHẨU GODIVA

Website | www.denisoil.com
Gmail | denisoilvietnam@gmail.com
Hotline | (+84) 966.2345.18



DNS TURBO POWERX

4-STROKE TURBOCHARGED DIESEL AND GASOLINE ENGINE OIL



SAE GRADE SAE 10W40 API CLASSIFICATION CI-4/SL

DNS TURBO POWERX is a premium diesel engine oil, meeting API CI-4/SL standards, specially designed for modern 4-stroke turbocharged diesel engines and gasoline engines operating under severe conditions. The product helps enhance engine protection, anti-wear, prevent deposit formation, while ensuring stable lubrication performance and extending oil change intervals.

INGREDIENT Mineral base oil and premium additives

FEATURES

- DNS TURBO POWERX SAE 10W40 provides superior engine protection against wear and corrosion, helping to prolong equipment life. The oil has excellent detergency and dispersancy properties, keeping the engine clean.
- The stable viscosity of 10W40 helps maintain optimal lubrication performance under high temperature and heavy load conditions.
- In addition, the oil also has good oxidation resistance and heat resistance, ensuring long-term and stable operating efficiency.

APPLICATION

Suitable for trucks, tractors, passenger cars, construction machinery and industrial equipment using any 4-cylinder turbocharged diesel engine and gasoline engines requiring high performance.

SPECIFICATIONS

Name	Unit	Test methor	Value
Density @15°C	Kg/L	ASTM D4052	0.865
Kinematic viscosity @100°C	°C	ASTM D445	12.5 - <16.3
Total number	mgKOH/g	ASTM D2896	Min 9
Viscosity index	-	ASTM D2270	Min 130
Flash point	°C	ASTM D92	Min 220

PRESERVE Store in a cool, dry place, away from direct sunlight. Close lid after use.

SAFE Refer to MSDS

PACKAGING 4-liter jerrycan, 18L tin bucket / 18L plastic bucket / 200L iron drum.



DNS TURBO POWER X

四冲程涡轮增压柴油和汽油发动机油



SAE 等级	SAE 10W40	API分类	CI-4/SL
--------	-----------	-------	---------

DNS TURBO POWERX 是一款符合 API CI-4/SL 标准的优质柴油发动机油，专为在严苛条件下运行的现代四冲程涡轮增压柴油发动机和汽油发动机而设计。该产品有助于增强发动机保护，抗磨损，防止沉积物形成，同时确保稳定的润滑性能并延长换油周期。

故事 矿物基础油和优质添加剂

事情 - DNS TURBO POWERX SAE 10W40 机油提供卓越的发动机防磨损和防腐蚀保护，有助于延长设备使用寿命。 - 该机油具有卓越的清净分散性能，可保持发动机清洁。10W40 的稳定粘度有助于在高温重载条件下保持最佳润滑性能 。此外，该机油还具有良好的抗氧化性和耐热性，确保长期稳定的运行效率。	作用 适用于使用任何 4 缸涡轮增压柴油发动机和要求高性能的汽油发动机的卡车、拖拉机、客车、建筑机械和工业设备。			
	注意事项			
	技术指标	单位	测试方法	数值
	比重 (15°C)	Kg/L	ASTM D4052	0.865
	运动黏度 (100°C)	°C	ASTM D445	12.5 - <16.3
	酸值	mgKOH/g	ASTM D2896	Min 9
	黏度指数	-	ASTM D2270	Min 130
	闪点 (闭口)	°C	ASTM D92	Min 220

保險 请置于阴凉干燥处，避免阳光直射。使用后请盖紧瓶盖

全部 请参考安全数据表

包Bì 4升油桶, 18L 铁桶 / 18L 塑料桶 / 200L 铁桶